

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2022/DS-PT  
Ngày: 24/11/2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Lương  
Ông Lê Văn Phận

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 289/2022/QĐPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Huỳnh Hiền M, sinh năm 1991;

Cư trú tại: Ấp L, xã L1, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là:*** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; cư trú tại: Khu phố 5, thị trấn M1, huyện N, tỉnh Bến Tre.

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Phượng L, sinh năm 1988;  
Cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Anh K, sinh năm 1989;

Cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Phụng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh K là:* Anh Nguyễn Nhật N1, sinh năm 1992, cư trú tại: Số nhà 427C4, Khu phố U, phường K1, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Chị Huỳnh Hiền M là nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Phụng L là bị đơn; anh Nguyễn Anh K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Hiền M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Chị M có tham gia 02 dây hụi do chị L làm đầu thảo gồm:

+ Dây hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 05/01/2022, là hụi ngày, mỗi ngày khai 01 lần, gồm 30 phần, chị M tham gia 01 phần, đóng được 26 ngày hụi sống với số tiền là 76.800.000 đồng. Hụi mãn vào ngày 13/02/2022.

+ Dây hụi 10.000.000 đồng, khai ngày 15/01/2022, là hụi ngày, mỗi ngày khai 01 lần, gồm 18 phần, chị M tham gia 01 phần, đóng được 17 ngày hụi sống với số tiền là 167.000.000 đồng. Hụi mãn vào ngày 11/02/2022.

Việc tổ chức hụi với hình thức góp hụi thông qua tin nhắn Zalo, đóng hụi qua tài khoản cá nhân của chị L, khi chị L nhận tiền đều có tin nhắn giao kết với nhau. Đầu tháng 3/2022, chị L tuyên bố vỡ hụi thì chị L có hứa hẹn trả tiền hụi cho chị M nhiều lần nhưng không thực hiện. Do chị L tổ chức chơi hụi để phục vụ kinh tế gia đình nên chị Huỳnh Hiền M yêu cầu chị Nguyễn Thị Phụng L và anh Nguyễn Anh K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 243.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi (trong số tiền này có 231.930.000 đồng là tiền hụi thực đóng, còn lại 11.870.000 đồng là hụi có lãi).

Chị M có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cụ thể: Phong tỏa một phần thửa đất số 283, tờ bản đồ số 15, diện tích yêu cầu áp dụng là 500m<sup>2</sup> (13,47m x 37,12m = 500m<sup>2</sup>), tọa lạc tại xã Định Thủy, huyện N, tỉnh Bến Tre do chị Nguyễn Thị Phụng L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Phượng L cùng người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Phượng L, anh Nguyễn Anh K trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị M với số tiền là 243.800.000 đồng thì chị L không đồng ý, chị L chỉ thừa nhận có nợ tiền hụi là 231.930.000 đồng, đây là số tiền nợ của cá nhân chị L nên chị L tự trả, do bị vỡ hụi nên hoàn cảnh khó khăn chị xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của chị M, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng chỉ đại diện tham gia tố tụng trong vụ án, không đại diện quyết định các vấn đề liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là tài sản khác của chị L.

Anh K không đồng ý với yêu cầu của chị M về việc buộc anh có trách nhiệm liên đới cùng chị L trả tiền hụi mà chị L thiếu chị M do anh không liên quan, không biết việc thỏa thuận chơi hụi này.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định như sau:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Hiền M về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Phượng L trả tiền hụi còn thiếu.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Phượng L có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Hiền M số tiền hụi còn thiếu là 231.930.000 đồng (hai trăm ba mươi một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Hiền M buộc chị Nguyễn Thị Phượng L trả tiền hụi còn thiếu là 11.870.000 đồng (mười một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Hiền M về việc buộc trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Anh K đối với số tiền nêu trên.

4. Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Hiền M về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung chính: Phong tỏa một phần thửa đất số 283, tờ bản đồ số 15, diện tích yêu cầu áp dụng là 500m<sup>2</sup> (13,47m x 37,12m = 500m<sup>2</sup>), đất tọa lạc tại xã Định Thủy, huyện N, tỉnh Bến Tre (Thửa 283, tờ bản đồ số 15 do chị Nguyễn Thị Phượng L, sinh năm 1988; CCCD số: 083188001190; Địa chỉ thường trú: ấp An Hóa, xã B, huyện N, tỉnh Bến Tre đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích thửa là

1141,9m<sup>2</sup>, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đất đến ngày 31/03/2047, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 29/11/2021, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS07261)”.  
(Thể hiện bằng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 11/8/2022 - Ban hành Quyết định riêng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/8/2022 bị đơn chị Nguyễn Thị Phụng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh K kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy một phần bản án sơ thẩm đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của chị Huỳnh Hiền M.

Ngày 30/8/2022, nguyên đơn chị Huỳnh Hiền M kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo không yêu cầu chị L, anh K trả số tiền hội 11.870.000 đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Huỳnh Hiền M; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Phụng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Huỳnh Hiền M trình bày có tham gia chơi hội do chị Nguyễn Thị Phụng L làm chủ hội gồm:

+ Dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 05/01/2022, là hội ngày, mỗi ngày khai 01 lần, gồm 30 phần, chị M tham gia 01 phần, đóng được 26 ngày hội sống với số tiền là 76.800.000 đồng. Hội mãn vào ngày 13/02/2022. Hoa hồng cho đầu thảo hội là 1.200.000 đồng.

+ Dây hội 10.000.000 đồng, khai ngày 15/01/2022, là hội ngày, mỗi ngày khai 01 lần, gồm 18 phần, chị M tham gia 01 phần, đóng được 17 ngày hội sống với số tiền là 167.000.000 đồng. Hội mãn vào ngày 11/02/2022. Hoa hồng cho đầu thảo hội là 3.000.000 đồng.

Trong quá trình khởi kiện và tham gia tố tụng chị M đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc chị tham gia chơi hội của chị L tổ chức. Các chứng cứ này đã được giao cho chị L và tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022 chị L thừa nhận *"Tôi có làm đầu thảo, M có tham gia chơi hội 02 dây (đúng như M trình bày trong đơn khởi kiện). Do tôi bị vỡ hội nên không tiếp tục mở hội được... Tổng số tiền hội mà tôi thiếu chị M là 231.930.000 đồng... đây là số tiền thực tế M đóng hội cho tôi. Còn số tiền mà M yêu cầu 243.800.000 đồng là tiền hội mà M tính Hội sống (hội có lời).*

Như vậy, lời thừa nhận này của chị L phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về thông tin 02 dây hội chị M tham gia, số hội viên, số phần hội chị M đã đóng được nên việc chị M khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 243.800.000 đồng (sau khi đã khấu trừ tiền hoa hồng cho đầu thảo hội) là có căn cứ. Bởi lẽ, việc giao kết hợp đồng góp hội giữa chị L với chị M và các hội viên khác là hội có lãi, chị L là chủ hội được hưởng hoa hồng từ các hội viên khi hết hội nên phải có trách nhiệm đảm bảo giao đủ tiền hội cho các hội viên khi tham gia chơi hội. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc nguyên đơn trình bày số tiền yêu cầu có phần hội thực đóng và tiền lãi hội nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh từng lần đóng hội, số tiền thực đóng của từng lần, số tiền lãi hội mà các bên thỏa thuận... nên không có căn cứ để xem xét, từ đó chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với tiền 231.930.000 đồng theo sự thừa nhận của chị L là chưa phù hợp, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với số tiền chị M yêu cầu chị L, anh K phải trả là 11.870.000 đồng nên đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo này của phía nguyên đơn.

[2] Đối với yêu cầu anh Nguyễn Anh K liên đới cùng chị Nguyễn Thị Phụng L trả nợ thì thấy rằng:

Chị L và anh K đang tồn tại quan hệ hôn nhân, là vợ chồng hợp pháp. Anh K, chị L cho rằng giao dịch hui do một mình chị L thực hiện, anh K không hay biết nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, việc anh K và chị L trình bày vợ chồng đã sống ly thân và làm kinh tế riêng nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30”. Căn cứ việc chị L tổ chức chơi hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và mục đích chị L tổ chức chơi hui nhằm phục vụ kinh tế gia đình nên anh K phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị L trả nợ hui. Vì vậy, cần buộc anh K phải liên đới cùng chị L trả cho chị M số tiền 231.930.000 đồng là phù hợp.

[3] Đối với kháng cáo của chị L, anh K về việc yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm nên kháng cáo không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Huỳnh Hiền M về việc buộc anh Nguyễn Anh K phải có trách nhiệm liên đới cùng chị Nguyễn Thị Phụng L trả cho chị Huỳnh Hiền M số tiền hui là 231.930.000 đồng; đình chỉ một phần kháng cáo của nguyên đơn đối với số tiền 11.870.000 đồng; không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Phụng L, anh Nguyễn Anh K.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phụng L và anh Nguyễn Anh K phải liên đới chịu 11.596.500 đồng.

Chị Huỳnh Hiền M phải chịu án phí là 593.500 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.095.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005784 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Hoàn trả cho chị Huỳnh Hiền M số tiền còn lại là 5.501.500 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Phụng L và anh Nguyễn Anh K mỗi người phải chịu án phí 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008040 và 0008041 cùng ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho chị Huỳnh Hiền M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008042 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Huỳnh Hiền M;

Đình chỉ một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Huỳnh Hiền M về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Phượng L và anh Nguyễn Anh K có trách nhiệm liên đới trả số tiền hui 11.870.000 đồng (mười một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Phượng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh K.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Hiền M về việc tranh chấp hợp đồng góp hui với bị đơn chị Nguyễn Thị Phượng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh K.

Buộc chị Nguyễn Thị Phượng L và anh Nguyễn Anh K liên đới trả cho chị Huỳnh Hiền M số tiền 231.930.000 đồng (hai trăm ba mươi một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện N chỉ bị hủy bỏ theo trình tự được quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phụng L và anh Nguyễn Anh K phải liên đới chịu 11.596.500 đồng (mười một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Chị Huỳnh Hiền M phải chịu án phí là 593.500 đồng (năm trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.095.000 đồng (sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005784 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Hoàn trả cho chị Huỳnh Hiền M số tiền còn lại là 5.501.500 đồng (năm triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Phụng L và anh Nguyễn Anh K mỗi người phải chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008040 và 0008041 cùng ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho chị Huỳnh Hiền M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008042 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Huỳnh Ngọc Dũng**

